

TAND
QCR
TPCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 33/2021/HNST.

Ngày: 27/5/2021.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. CR

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Bùi Thanh Trí.**

Ông **Nguyễn Văn Mến.**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Bích Trương** – Thư ký Tòa án nhân dân Q. CR, TP. CT.

- *Đại diện Viện kiểm sát Q. CR:* Bà **Võ Thị Nhu** – kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Q. CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2020/TLST- HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2021/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST – HN ngày 27/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 92/2021/QĐST-HN ngày 12/5/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **VTCL**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 162, khu vực TH, phường TT, Q. CR, TP. CT. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông **NHK**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: 102/2, khu vực TM, phường TT, Q. CR, TP. CT. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- ***Nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*** Bà và ông NHK tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 21/7/2008. Chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, không hợp tính tình nên không có sự thấu hiểu hay cảm thông cho nhau để chia sẻ với nhau. Bên cạnh đó, ông K không đi làm ăn để chăm lo cho gia đình mà còn cờ bạc gây nợ nần và đã bán luôn căn nhà là tài sản chung của vợ chồng. Đồng thời, ông K còn có người phụ nữ khác bên ngoài nên đã không còn chung sống với bà nữa. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với ông NHK nên bà yêu cầu được ly hôn.

- *Về con chung*: Có 02 cháu là NTTX (nữ), sinh ngày 25/01/2009 và NHT (nam), sinh ngày 01/01/2013. Bà xin được nuôi con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

* *Về phía bị đơn*: Từ khi vụ án được thụ lý cho đến giai đoạn chuẩn bị xét xử thì Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 mà bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và không có bất kỳ văn bản nào cho biết ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Do không thể tiến hành hòa giải nên vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 16/3/2021 nên căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt.

* Phía bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt và không có ý kiến gì, mặc dù Tòa án đã thông báo cho bị đơn biết ngày xét xử và có yêu cầu bị đơn cho biết ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để Tòa án xem xét, giải quyết nhưng bị đơn vẫn vắng mặt là cố tình nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* *Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa*: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử, đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật**: Nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Q. CR, TP. CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về thủ tục tố tụng**: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có bất kỳ văn bản nào ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt

bị đơn. Đồng thời, phía nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về nội dung tranh chấp và căn cứ khởi kiện:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/7/2008 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Đồng thời, phía bị đơn không có bất kỳ văn bản ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà L, mặc dù Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật để bị đơn biết và Tòa án cũng đã tạo điều kiện để vợ chồng hòa giải đoàn tụ nhưng bị đơn vẫn không đến và cũng không có gửi ý kiến để Tòa án xem xét. Từ đó, cho thấy bị đơn không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng và nguyên đơn thì vẫn giữ yêu cầu ly hôn vì tình cảm đã không còn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về con chung*: Có 02 cháu là NTTX (nữ), sinh ngày 25/01/2009 và NHT (nam), sinh ngày 01/01/2013. Bà xin được nuôi con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng. Xét thấy bà L có đủ điều kiện nuôi con đến trưởng thành, đồng thời cháu X và cháu T đều có nguyện vọng được chung sống với bà L nên để không thay đổi môi trường sống và nhu cầu sinh hoạt của cháu X với cháu T. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn, không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật

- *Về tài sản chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 006302 ngày 17/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. CR thành án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, điều 53, và điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*
2. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà VTCL được ly hôn với ông NHK.
3. *Về con chung:* Giao 02 cháu là NTTX (nữ), sinh ngày 25/01/2009 và cháu NHT (nam), sinh ngày 01/01/2013 cho nguyên đơn được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn, không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.
4. *Về tài sản chung:* Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.
5. *Về nợ chung:* Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.
6. *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 006302 ngày 17/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. CR thành án phí.
7. *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.
8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- VKSND Q. CR;
- Chi cục THA Q. CR;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Thị Kim Xuân